

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TU
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;
2. Ông Đào Văn Nô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã TU tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 152/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Th, sinh năm 1980; thường trú: Số 234, Tổ 3, khu phố K, phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1978; thường trú: Số C139, B1, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Số 234, Tổ 3, khu phố K, phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Th và ông Nguyễn Hồng S chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) B, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 351/2002, quyển số 02, ngày 25/10/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cả hai cùng yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Năm 2018 bà Th đã nộp đơn ly hôn, Toà án tiến hành hoà giải đoàn tụ ông S hứa thay đổi nên bà Th đã rút đơn và Toà án nhân dân thị xã TU đã ban hành quyết định đình

chỉ. Tuy Nên, sau đó tình cảm vợ chồng không được cải thiện, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hồng S.

- Về con chung: Vợ chồng bà Th và ông S có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 09/01/2007. Hiện tại, bà Th đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Hồng S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản tự khai ngày 30/8/2019, cháu Nguyễn Huỳnh Ngọc N trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn thì cháu N có nguyện vọng được sống với bà Huỳnh Thị Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Th và ông Nguyễn Hồng S chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) B, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 351/2002, quyển số 02, ngày 25/10/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cả hai cùng yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Huỳnh Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Hồng S.

- Về con chung: Vợ chồng bà Th và ông S có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 09/01/2007. Hiện tại, bà Th đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu của bà Th phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Huỳnh Ngọc N, phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th, giao cho bà Th được nuôi dưỡng con chung.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Th tự nguyện không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

+ Về tài sản chung và vay nợ chung: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Th không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng S và yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo kết quả xác minh ngày 01/9/2019 của Tòa án, ông Nguyễn Hồng S đăng ký tạm trú và đang cư trú tại địa chỉ: Tổ 3, khu phố K, phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao và niêm yết thông báo thụ lý vụ án; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà và các văn bản tố tụng khác nhưng ông S vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Th và ông Nguyễn Hồng S là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) B, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 351/2002, quyển số 02, ngày 25/10/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cả hai cùng yêu thương chăm sóc lẫn nhau nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông S.

Ông Nguyễn Hồng S đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia tố tụng Nều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, cũng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ xác định ông S không có thiện chí mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ hạnh phúc.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Th và ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; bà Huỳnh Thị Th yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng S là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về việc nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng bà Th và ông S có một con chung tên Nguyễn Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 09/01/2007. Hiện tại bà Th đang trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa Th về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa Th được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Cháu Nguyễn Huỳnh Ngọc N đã trên 07 tuổi và trình bày nguyện vọng được sống với bà Th nếu cha mẹ ly hôn.

Xét thấy, yêu cầu được quyền nuôi con chung của bà Th có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Huỳnh Thị Th không yêu cầu ông Nguyễn Hồng S cấp dưỡng nuôi con chung. Ý kiến của bà Th là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 28, 35, 39, 92, 146, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Th về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” với bị đơn ông Nguyễn Hồng S.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Hồng S.

1.2 Về việc nuôi con chung: Giao cho bà Huỳnh Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 09/01/2007.

1.3 Ông Nguyễn Hồng S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Huỳnh Thị Th và ông Nguyễn Hồng S đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Hồng S được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Nguyễn Hồng S lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Huỳnh Thị Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn Hồng S. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.4 Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037204, ngày 06/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU, bà Th không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo:

3.1 Bà Huỳnh Thị Th có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

3.2 Ông Nguyễn Hồng S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU (để thi hành);
- UBND phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Đã ký**

Đào Văn Hưng

